

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **286/2021/DS – ST**

Ngày: 30/12/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Vân

Ông Phạm Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mai H** – sinh năm: 1964 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Thường trú: Số 318/206 đường P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Chung cư R, số 2 đường N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Phùng Văn S** – sinh năm: 1968 (*vắng mặt*)

Thường trú: Số 75/13 Ấp 6, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 353/33 đường N, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Mai H trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết, ngày 25/08/2020 bà Trần Thị Mai H cho ông Phùng Văn S vay số tiền 240.000.000 đồng để sửa nhà. Ông S có lập giấy ngày 25/08/2020 ghi số tiền vay là 240.000.000 đồng và ký đã nhận đủ tiền. Lãi suất

vay là 2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 25/08/2020 đến ngày 25/03/2021.

Khi ký hợp đồng vay tiền bà H đã giao đủ cho Ông S số tiền 240.000.000 đồng. Từ khi vay, Ông S chỉ trả tiền lãi cho bà H được 01 tháng đầu số tiền là 4.800.000 đồng, sau đó thì không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi và tiền gốc cho bà H theo thỏa thuận mặc dù bà H đã yêu cầu nhiều lần. Từ tháng 11/2020 bà H không còn gặp được Ông S, gọi điện thoại Ông S không nhắc máy.

Khi vay tiền Ông S đưa cho bà H Giấy chứng minh nhân dân ghi nơi đăng ký thường trú của Ông S tại số nhà 75/13 Ấp 6, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên thực tế Ông S lúc đó đang ở tại địa chỉ 353/33 đường N, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nên trong giấy vay tiền của Ông S cũng ghi địa chỉ tại Quận 10. Bà H có đến nhà tại Quận 10 hỏi thông tin Ông S nhưng Ông S cũng đã không còn ở đây. Bà H không biết địa chỉ nào khác của Ông S.

Khoản tiền bà H cho Ông S vay là tiền riêng của bà H, bà H đã ly hôn chồng. Bà H cho một mình Ông S vay tiền nên chỉ yêu cầu một mình Ông S có trách nhiệm trả nợ cho bà H số tiền là 240.000.000 đồng. Về tiền lãi từ khi Ông S vay cho đến thời điểm xét xử vụ án bà H không yêu cầu Ông S phải trả. Tiền lãi do chậm thi hành án thì đề nghị Tòa án tuyên theo quy định của pháp luật.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho ông Phùng Văn S các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Phùng Văn S không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của Ông S. Ngày 27/05/2021, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Phùng Văn S vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời nguyên đơn là bà Trần Thị Mai H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

Chủ tọa phiên tòa công bố: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Ông S phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi trong giai đoạn thi hành án theo quy định.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thị Mai H, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Căn cứ xác minh của Công an xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; xác minh của Công an Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ giấy vay tiền ngày 25/08/2020 và lời khai của nguyên đơn đã có cơ sở xác định: Ông Phùng Văn S có hộ khẩu thường trú tại nhà số 75/13 Ấp 6, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2013 thì bán nhà đi nơi khác. Ông S có thời gian sống tại địa chỉ 353/33 đường N, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2019 đi đâu không rõ. Như vậy thời điểm bà H nộp đơn khởi kiện Ông S vào ngày 22/12/2020 do không biết nơi cư trú của Ông S nên ghi địa chỉ của người bị kiện là nơi cư trú cuối cùng tại nhà số 353/33 đường N, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định tại điểm d khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét thấy giấy vay tiền ngày 25/08/2020 có nội dung: anh Phùng Văn S có mượn của chị Mai H số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất 2%, ngày trả nợ là ngày 25/03/2021, phía dưới có chữ ký và ghi tên Phùng Văn S tôi đã nhận đủ tiền. Bà H khai khi viết xong giấy vay tiền bà H đã giao đủ cho Ông S số tiền 240.000.000 đồng. Từ khi vay, Ông S chỉ trả tiền lãi cho bà H được 01 tháng đầu số tiền là 4.800.000 đồng, tiền lãi những tháng tiếp theo và tiền nợ gốc thì chưa trả.

Như vậy bà H đã cho Ông S vay số tiền 240.000.000 đồng, thời hạn trả đến ngày 25/03/2021. Tuy nhiên, sau khi vay tiền Ông S chỉ trả tiền lãi cho bà H được 01 tháng đầu vào tháng 09/2020 với số tiền là 4.800.000 đồng, sau đó thì hàng tháng không trả thêm tiền lãi cho bà H theo thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 280 và Điều 282 của Bộ luật dân sự thì: *Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ.*

Ông S đã vi phạm việc trả tiền lãi từng tháng nên theo quy định pháp luật đã viện dẫn thì Ông S đã chậm thực hiện nghĩa vụ trong giao dịch vay tiền với bà H. Do đó mặc dù thời hạn trả nợ gốc đến ngày 25/03/2021 nhưng ngày 22/12/2020 bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Ông S phải trả khoản nợ gốc là đủ điều kiện khởi kiện.

Việc vay tiền đã lâu Ông S không trả đầy đủ tiền lãi và tiền nợ gốc cho bà H, nếu kéo dài sẽ gây thiệt hại quyền lợi của bà H. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà H buộc Ông S phải trả ngay cho bà H số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng. Về tiền lãi, ghi nhận việc bà H không yêu cầu Ông S phải trả thêm tiền lãi cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

Về tiền lãi kê từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm: Xét thấy trong giao dịch vay tiền giữa bà H và Ông S, hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi với mức lãi suất là 2%/tháng, tương đương 24%/năm. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì các bên thỏa thuận lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận 24%/năm là cao hơn lãi suất quy định của pháp luật nên chỉ chấp nhận mức lãi suất theo quy định là 20%/năm. Theo quy định tại điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp các bên không thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Như vậy, trường hợp Ông S chậm thực hiện nghĩa vụ thì hành án thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là $20\% \times 150\% = 30\%/năm$.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình được qui định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Ông Phùng Văn S chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng (tính trên số tiền phải trả cho bà H).

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tại phiên tòa là phù hợp với phân nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm đ khoản 4 Điều 189; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 280, 282, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai H.

Ông Phùng Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Mai H số tiền nợ gốc là 240.000.000 đồng (*hai trăm bốn mươi triệu đồng*) theo giấy vay tiền ngày 25/08/2020.

Ghi nhận việc bà Trần Thị Mai H không yêu cầu ông Phùng Văn S phải trả thêm tiền lãi cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Phùng Văn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 30%/năm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phùng Văn S chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*). Trả lại cho bà Trần Thị Mai H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) theo biên lai số: AA/2019/0050003 ngày 24/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Mai H, ông Phùng Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huyền